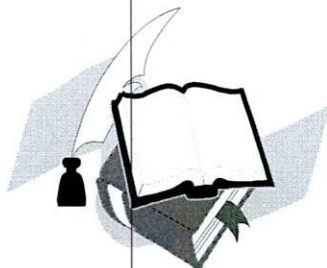
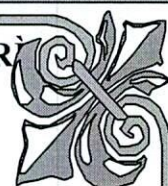




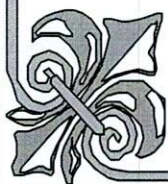
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG MẦM NON B XÃ NGŨ HIỆP



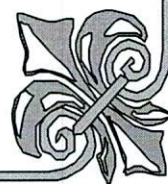
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*



Tháng 6 năm 2025



Ngũ Hiệp, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp

2. Địa chỉ: Thôn Tương Trúc - xã Ngũ Hiệp - Huyện Thanh Trì - Hà Nội

- Điện thoại: 0436825271

- Website: <https://mnbnguhiep.hanoi.edu.vn>

- Email: mnbnguhiep-tt@hanoiedu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Thanh Trì

- Chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mệnh: “*Mỗi ngày cô và trẻ đến trường là một ngày vui*”. Phát triển theo phương châm “*Có hạnh phúc - Trẻ hạnh phúc*”. Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, đoàn kết, thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

* Tầm nhìn - Mục tiêu:

- **Tầm nhìn:** Tạo một trường học thân thiện, chất lượng và hiệu quả, nơi phụ huynh và học sinh tin cậy; Là nơi để giáo viên rèn luyện, cống hiến khẳng định bản thân. Xác định mục tiêu trọng tâm: “Tạo môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Gắn với các tiêu chí Yêu thương - Tôn Trọng trẻ. Ứng dụng phương pháp tiên tiến trong tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Hình thành trẻ tính Độc lập - Tự Tin - Khỏe mạnh, yêu cái đẹp, thích tạo ra cái đẹp”. Đến năm 2030, trường MN B xã Ngũ Hiệp tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu đạt chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Ổn định, phát triển, xây dựng nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã

hội hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện. Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, đạt các mức độ theo quy định về kiểm định chất lượng và công nhận chuẩn lại vào năm 2025.

- Mục tiêu

+ *Mục tiêu ngắn hạn* (duy trì và nâng cao chất lượng CSGD trẻ): Năm học 2021-2022, 2022-2023: Rà soát đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị cho việc chăm sóc giáo dục trẻ còn thiếu để bổ sung. Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa trang thiết bị trong nhà trường từ đầu năm. Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư cơ sở vật chất cho 2 điểm trường thôn Tương Chúc và thôn Việt Yên hướng tới kiểm định chất lượng và công nhận chuẩn Quốc gia vào năm 2025. Giữ vững trường đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

+ *Mục tiêu trung hạn* (phát triển thương hiệu):

Năm học 2023-2024, 2024-2025, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, giữ vững danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến, xây dựng và phát triển thương hiệu của nhà trường.

+ *Mục tiêu dài hạn đến năm 2030:*

Mở rộng xây mới thêm các lớp, phòng chức năng đúng theo quy định, lớp học của trẻ có chỗ ăn, ngủ riêng biệt...nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến, đầu tư các trang thiết bị hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa giáo dục mầm non.

Xây dựng môi trường giáo dục với chương trình học tập hiện đại tiên tiến, đội ngũ giáo viên chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, phát huy năng lực cá nhân trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, trẻ có nhiều cơ hội phát triển bản thân, bắt kịp tư duy với trẻ em quốc tế.

5. Quá trình thành lập và phát triển

Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp được thành lập tháng 9/2012 theo Quyết định số 4445/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân huyện Thanh Trì ngày 28/8/2012 trên cơ sở tách từ trường mầm non Ngũ Hiệp. Tháng 11 năm 2015 trường được

công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, tháng 12 năm 2021 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. Nhiều năm liên tục trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến; giấy khen của UBND huyện; Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh – vững mạnh xuất sắc. Chi bộ đạt “Trong sạch vững mạnh”.

Trường có 03 điểm trường (thôn Tương Chúc và thôn Việt Yên) với diện tích 10.130m². Trường được xây dựng khang trang, nhiều cây xanh bóng mát, có đầy đủ các trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi đáp ứng được yêu cầu cơ bản của chương trình GDMN hiện hành. Trường nằm ở trung tâm các thôn thuận tiện cho phụ huynh đưa trẻ đến trường.

Nhà trường luôn được sự quan tâm ủng hộ tạo điều kiện về vật chất, tinh thần của các cấp lãnh đạo, ban ngành đoàn thể địa phương và sự phối hợp chặt chẽ của hội cha mẹ học sinh. Nên trong những năm qua, trường mầm non B xã Ngũ Hiệp đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường. Đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, trường đều có giáo viên tham gia Hội thi “Giáo viên dạy giỏi” các cấp đạt thành tích cao. 39 đồng chí Cán bộ, giáo viên, nhân viên đã được công nhận một hoặc nhiều lần các danh hiệu như: Giải việc nước đảm việc nhà, Người tốt việc tốt, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở., Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 28/QĐ-SGDĐT ngày 07/01/2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội; đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Trần Thị Hải Yến
- Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Tương Chúc, Xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
- Số điện thoại: 0984646988
- Email: yentran70@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

* **Quyết định thành lập trường:** Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 của UBND huyện Thanh Trì về việc thành lập Trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp.

HUY
TR
1 AM
NG
12

*** Quyết định kiện toàn Hội đồng trường:** Quyết định số 5149/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện Thanh Trì về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp Nhiệm kỳ 2021-2026.

*** Quyết định bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:**

+ Hiệu trưởng Trần Thị Hải Yến: Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện Thanh Trì về việc điều động bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp từ ngày 15/01/2025.

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thanh Huyền: Quyết số 2705/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện Thanh Trì về việc điều động bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp từ ngày 01/09/2021.

+ Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Soan: Quyết số 978/QĐ-UBND ngày 17/4/2022 của UBND huyện Thanh Trì về việc điều động bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp từ ngày 01/05/2022.

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:**

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

+Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước. *

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế

dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

+ Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

+ Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

+ Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

+ Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 39 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 48 công đoàn viên.
- + Chi đoàn: 10 đoàn viên

- Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc
1	Trần Thị Hải Yến	Hiệu trưởng	0984646988	yentran70@gmail.com	Thôn Tương Chúc, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà
2	Nguyễn Thị Soan	P. Hiệu trưởng	0787058558	soantien@gmail.com	Thôn Tương Chúc, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	P. Hiệu trưởng	0915002270	Mnbnguhiep@gmail.com	Thôn Tương Chúc, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch số 239/KH-MNBNH ngày 9/9/2024 của Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc kiểm tra nội bộ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 254/KH-MNBNH ngày 14/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc Ứng dụng CNTT trong quản lý chuyển đổi số năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 259/KH-MNBNH ngày 14/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc bồi dưỡng đào tạo đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 262/KH-MNBNH ngày 14/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc triển khai công tác phòng, chống “Bạo lực học đường và tệ nạn xã hội” trong nhà trường năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 270/KH-MNBNH ngày 23/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc phát triển chương trình giáo dục trường mầm non B xã Ngũ Hiệp năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 284/KH-MNBNH ngày 24/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 286/KH-MNBNH ngày 24/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc xây dựng trường mầm non “Xanh - An toàn - Hạnh phúc”.

- Kế hoạch số 292/KH-MNBNH ngày 24/9/2024 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc phát triển chương trình giáo dục phù hợp với bối cảnh thực tế của nhà trường, của địa phương năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 320/KH-MNBNH ngày 10/10/2024 của Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 321/KH-MNBNH ngày 10/10/2024 chỉ đạo công tác chuyên môn năm chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục học 2024-2025.

- Kế hoạch số 328/KH-MNBNH ngày 11/10/2024 của Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc thực hiện Quy chế dân chủ năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 401/KH-MNBNH ngày 26/12/2024 của Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc tự đánh giá năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 01/KH-MNMBNH ngày 02/01/2025 của trường mầm non B xã Ngũ Hiệp về việc Xây dựng trường học sáng, xanh, sạch, đẹp năm học 2024-2025.

- Quyết định số 326/QĐ-MNBNH ngày 11/10/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ Mầm non B xã Ngũ Hiệp.

- Kế hoạch số 328/QĐ-MNBNH ngày 11/10/2024 Kế hoạch thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm học 2024-2025.

- Quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu và Ban chấp hành công đoàn trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp nhiệm kỳ 2023-2028 (ngày 11/10/2024).

- Quyết định 289/QĐ-MNBNH ngày 24/9/2024 kế hoạch thực hiện quy tắc ứng xử của CB-GV-NV trường mầm non B xã Ngũ Hiệp năm học 2024-2025

- Quy ước thực hiện nếp sống văn hoá trong trường học (ngày 11/10/2024).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Năm học	TT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			Hoàn thành BD hàng năm		
				Th .S	ĐH	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	T	K	TB	T	K	T B
2023-2024		Tổng CB, GV, NV	48	0	33	2	8	5	2	18	14	18	15	01	48	0	0
	I	Giáo viên	31	0	29	1	1	0	2	18	11	15	16	0	31	0	0
	1	Nhà trẻ	7		6	1	0	0	1	5	1	2	5	0	7	0	0
	2	Mẫu giáo	24		23	0	1	0	1	13	10	13	11	0	24	0	0
	II	CBQL	3	0	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	3	0	0
	1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0
	2	Phó hiệu trưởng	2		2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	0
	III	Nhân viên	14		1	1	7	5	0	0	0	0	0	0	14	0	0
	1	NV Y tế	1		0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
	2	NV kế toán	1		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
	5	NV khác (NVND, BV)	12		0	1	6	5	0	0	0	0	0	0	12	0	0
2024-2025		Tổng CB, GV, NV	48	0	35	2	6	5	0	20	14	0	0	01	48	0	0
	I	Giáo viên	31	0	31	0	0	0	0	20	11	0	0	0	31	0	0
	1	Nhà trẻ	7		7	0	0	0	0	5	2	0	0	0	7	0	0
	2	Mẫu giáo	24		24	0	0	0	0	15	9	0	0	0	24	0	0
	II	CBQL	3	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0
	1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
	2	Phó HT	2		2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
	III	Nhân viên	14		1	2	6	5	0	0	0	0	0	0	14	0	0
	1	NV Y tế	1		0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
	2	NV kế toán	1		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
	5	NV khác (NVND, BV)	12		0	2	5	5	0	0	0	0	0	0	12	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
		SL	Bình quân	SL	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học				
1	Phòng học kiên cố	14		14	
2	Phòng học bán kiên cố	0		0	
3	Phòng học tạm	0		0	

१५११२

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

Theo 5 tiêu chuẩn:

- + Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường
- + Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
- + Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học
- + Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội
- + Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ
- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không Đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	—
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	—
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	—
Tiêu chí 1.8		x	x	—
Tiêu chí 1.9		x	x	—
Tiêu chí 1.10		x	x	—
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				
	Không Đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chí 3.1		x	—	—	
Tiêu chí 3.2		x	x		
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x	
Tổng	0/22	22/22	21/21	14/15	

*** Kết quả: Trường Đạt Mức 2**

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Hàng năm, nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Căn cứ kết quả công tác tự đánh giá đã giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ số, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu đã giúp nhà trường đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Trên cơ sở đó nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh, khắc phục điểm yếu bằng cách xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cũng như các mặt hoạt động trong nhà trường.

*** Kết quả đánh giá và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường:**

- Trường đạt kiểm định chất lượng: Cấp độ 2 (Quyết định số 28/QĐ-SGDĐT ngày 7/01/2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội)

Thời gian hiệu lực: từ ngày 7 tháng 01 năm 2021 đến ngày 7 tháng 01 năm 2026.

Mốc thời gian đánh giá tiếp theo: 01/2026.



- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội).

Thời gian hiệu lực: từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Mốc thời gian đánh giá tiếp theo: 01/2026.

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hằng năm:**

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào, các mặt hoạt động trong nhà trường ngày càng nâng cao.

** Kết quả:*

- Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch nhiệm vụ năm học, thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ qua các năm học.

- CB, GV, NV và học sinh nhà trường tham gia và đạt được nhiều thành tích cao trong các hội thi, các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Tập thể đạt danh hiệu giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của UBND huyện.

- Công đoàn đạt Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chi đoàn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ qua các năm.

- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Hằng năm trường có 01 đ/c đạt Bằng khen của UBND TP; 13-15 đ/c CB, GV, NV đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở và Giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ của UBND huyện.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường:

1.1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh:

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo Kế hoạch số 111/KH-MNBNH ngày 10/5/2024 của Trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp về tuyển sinh năm học 2024-2025.

1.1.1. Phương thức và đối tượng

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Đối tượng tuyển sinh:

Trẻ trong độ tuổi Nhà trẻ 18-24 tháng; trẻ nhà trẻ 24-36 tháng, mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi trên địa bàn: Thôn Việt Yên và Tương Chúc xã Ngũ Hiệp.

1.1.2. Độ tuổi dự tuyển

Nhà trường tuyển sinh trẻ độ tuổi Nhà trẻ 18-24 tháng; Nhà trẻ 24-36 tháng, mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, 5 tuổi. Ưu tiên tiếp nhận trẻ 5 tuổi, trẻ thuộc tuyến tuyển sinh được giao.

1.1.3. Hồ sơ dự tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu của trường*) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp; in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

1.1.4. Thời gian tuyển sinh

* **Cấp mã số cho học sinh:** Hoàn thành việc cấp mã số tuyển sinh các cháu sinh năm 2018 đang học tại trường (kèm mật khẩu) cho cha mẹ học sinh trước ngày 31/5/2024.

* Thời gian tuyển sinh

- **Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:**

+ Tuyển sinh trẻ 5 tuổi (trẻ sinh năm 2019) vào trường mầm non: Từ ngày 04/7/2024 đến hết ngày 06/7/2024.

Địa chỉ truy cập: <https://tsdaucap.hanoi.gov.vn>

- Trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Cha mẹ học sinh có thể đối chiếu hồ sơ tuyển sinh tại trường đăng ký tuyển sinh từ khi nhận được thông báo đăng ký tuyển sinh trực tuyến thành công đến 17h00' ngày 18/7/2024

- **Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp:** Từ ngày 13/7/2024 đến hết 17h ngày 18/7/2024.

* **Đợt 1:** Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú và hộ khẩu tạm trú tại địa bàn phân tuyến tuyển sinh của nhà trường.

Ngày	Thứ tự các độ tuổi				Ghi chú
	5 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	Nhà trẻ	
13/7/2024	x				

14/7/2024		x			
15/7/2024			x		
16/7/2024			x		
17/7/2024				x	
18/7/2024				x	

* **Đợt 2:** Tuyển sinh bổ sung: Sau ngày **18/7/2024**, nếu nhà trường tuyển sinh chưa đủ chỉ tiêu được giao báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện (qua Phòng Giáo dục và Đào tạo), Ban Chỉ đạo tuyển sinh của huyện phê duyệt cho phép trường được tuyển sinh bổ sung học sinh cho đủ chỉ tiêu từ **ngày 21/7/2024 đến ngày 22/7/2024**.

Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025

TT	Khối lớp	Trẻ SN	Điều tra	Chỉ tiêu	Trẻ cũ chuyển lên	Trẻ tuyển mới	Tổng số trẻ
1	Mẫu giáo Lớn 5T	2019	124	11	104	12	116
2	Mẫu giáo Nhỡ 4T	2020	124	18	87	11	98
3	Mẫu giáo Bé 3T	2021	100	33	63	13	76
4	Nhà trẻ (24-36th)	2022	85	47	27	26	53
5	Nhà trẻ (18-24th)	2023	40	25	0	32	32
	Tổng		473	134	281	94	375

1.2. Kế hoạch hoạt động chăm sóc giáo dục

* Năm học 2023-2024:

- 100% các lớp thực hiện tốt chương trình GDMN theo từng độ tuổi, thực hiện tốt quy chế chuyên môn và kế hoạch giáo dục trong ngày. Khảo sát đánh giá CLGD trẻ 01 lần/năm học. 100% trẻ 5 tuổi được trang bị kiến thức đầy đủ, có tâm thế vững vàng khi trẻ vào lớp 1. 100% các lớp mẫu giáo lồng ghép, ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM và Montessori vào công tác giáo dục trẻ, mời chuyên gia về tư vấn trang trí trong và ngoài lớp học. 100% các lớp xây dựng mô hình “*Trường học Xanh - An toàn - Thân thiện*”, thực hiện tốt chuyên đề “*Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*” giai đoạn 2021-2025.

- Nhà trường đã thiết kế khu vui chơi dân gian và xây dựng mô hình “*Mỗi cơ sở Giáo dục mầm non là một không gian sáng tạo*”, “*Mỗi lớp học là một*

không gian sáng tạo". Trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm như: Bán hàng, các trò chơi dân gian, các nghề thủ công mỹ nghệ, sáng tạo nghệ thuật.

- Đã tổ chức thành công "*Hội giảng 20/11*" và ngày hội Công nghệ thông tin và STEM cấp trường năm học 2023-2024. Tổng số giáo viên tham gia hội thi: 31/31 đ/c đạt loại Giỏi.

- Tham gia công Ngày hội Công nghệ thông tin và STEM cấp huyện nhà trường có 6 bài giảng elearning đạt giải: 03 Giải Nhì; 03 Giải khuyến khích; 01 giải Khuyến khích thi kỹ năng CNTT;

- Năm học 2023-2024 nhà có 9 SKKN được Hội đồng khoa học Huyện công nhận.

- PGD kiểm tra công nhận chiến sỹ thi đua cấp huyện 7CB-GV-NV. Kết quả $7/7 = 100\%$ CBGVNV xếp loại Tốt. 01 đ/c giáo viên đạt Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố.

- Đã tổ chức tập huấn, kiến tập chuyên đề năm học 2023-2024: Tổng số nội dung kiến tập chuyên đề chăm sóc giáo dục trẻ là 16 hoạt động với tổng số lượt người tham gia là: 380 lượt.

*** Năm học 2024-2025**

- Tổ chuyên môn nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình GDMN theo từng độ tuổi, thực hiện tốt quy chế chuyên môn và kế hoạch giáo dục trong ngày. Các khối lớp xây dựng mục tiêu, ngân hàng nội dung, chủ đề sự kiện phiên chế theo từng lứa tuổi.

- Xây dựng kế hoạch công tác giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2024-2025, phân công các lớp làm điểm chuyên đề cấp trường.

- Chỉ đạo các khối lớp xây dựng KHGD theo từng tháng, thực hiện soạn bài theo kế hoạch, đổi mới phương pháp hình thức tổ chức trên phần mềm QLGD.

- Sử dụng tài liệu nếp sống văn minh thanh lịch, tổ chức các hoạt động giáo dục nếp sống văn minh thanh lịch cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo lớn.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho giáo viên, sinh hoạt chuyên môn đầu năm học.

- Chỉ đạo 100% các khối lớp thực hiện tốt QCCM đảm bảo giờ nào việc này, tổ chức các hoạt động học vui chơi, rèn nề nếp, kỹ năng, trải nghiệm phù hợp với từng lứa tuổi.

- Thường xuyên thăm lớp dự giờ đột xuất, có báo trước. Họp tổ chuyên môn



rút kinh nghiệm.

- Thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” và Xây dựng trường học Hạnh phúc.

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

Nhà trường đã xây dựng Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

Kết quả cụ thể:

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tham mưu, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường.

- Làm tốt công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá kết quả việc đảm bảo sự tham gia của gia đình và xã hội trong nhà trường theo đúng công văn, kế hoạch hướng dẫn của các cấp.

- Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về vị trí, vai trò của giáo dục mầm non và hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào học lớp một.

- 100% các khối lớp tạo điều kiện để các bậc cha mẹ tham gia vào hoạt động của trường, lớp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Kịp thời thông tin đến gia đình trẻ về những tiến bộ hoặc những khó khăn của trẻ. Có biện pháp khuyến khích sự chia sẻ của gia đình về đặc điểm tâm lí của trẻ để thống nhất các biện pháp thúc đẩy sự tiến bộ của trẻ.

- Công tác phối hợp với gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ góp phần gắn kết giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng cùng chung tay góp sức và đẩy mạnh chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện trong nhà trường.

- Nhà trường huy động được sự hỗ trợ từ phụ huynh tham gia ủng hộ đóng góp các nguyên vật liệu xây dựng môi trường

1.4. Thực đơn hàng ngày của trẻ

Nhà trường xây dựng thực đơn bữa ăn tiêu chuẩn đối với trẻ nhà trẻ - mẫu giáo theo đúng quy định: Cơm, thức ăn mặn, món xào (2 bữa/1 tuần), món canh, tráng miệng.

100% trẻ ăn bán trú tại trường với mức ăn 35.000đ/trẻ/ngày (Kể cả chất đốt). Xây dựng thực đơn đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ về dinh dưỡng theo quy định

các lứa tuổi. Phần đầu Nhà trẻ tỷ lệ P: 13-20%, L: 30 - 40% (Tỷ lệ L động vật/L thực vật = 70% và 30%), G: 47 - 50 %, Mẫu giáo P: 13 - 20%, L: 25 - 35%, G: 52 - 60%.



TRƯỜNG MẦM NON B XÃ NGŨ HIỆP

THỰC ĐƠN MÙA ĐÔNG (TUẦN CHẴN) NĂM HỌC 2024 - 2025
(Mức ăn 35.000đ/1 trẻ/1 ngày)

Thứ	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
	Bữa chính sáng (10h15' - 11h15')		Bữa phụ (13h45)	Bữa chính chiều (10h30' - 11h40')		Bữa phụ chiều (14h00)
	18-24 Ăn cơm nát/ 24-36 Ăn cơm thường	Ăn cơm		Ăn cơm	Ăn cơm	
	Món mặn	Món canh		Món mặn	Món canh	
Hai	Thịt bò hầm lagu Món xào: Khoai tây xào thịt heo	Canh bắp cải nấu thịt heo	Sữa bột Metacarre Eco	Bún Tôm	Thịt bò hầm lagu Món xào: Khoai tây xào thịt heo	Bún Tôm
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Thanh Long	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Ba	Thịt gà điều xào cần tỏi tây	Canh ngao nấu chua	Sữa bột Metacarre Eco	Cơm trắng; Rau cải xanh nấu thịt heo; Thịt heo sốt cà chua	Thịt gà điều xào cần tỏi tây Món xào: Cải chíp xào	Phở bò heo thả giá đỗ
	TM: Quýt Sài Gòn			TM: Xoài cát chu	TM: Quýt Sài Gòn	Sữa bột Metacarre Eco
Tư	Tôm, thịt heo sốt chua ngọt Món xào: Cải bắp xào	Canh bí đỏ, đậu phộng nấu thịt bò	Sữa bột Metacarre Eco	Cháo chim câu hạt sen	Tôm, thịt heo sốt chua ngọt Món xào: Cải bắp xào	Cháo chim câu hạt sen
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Quýt Sài Gòn	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Năm	Thịt gà tre hầm kỹ từ Món xào: Súp lơ xanh xào thịt heo	Canh su hào, cà rốt nấu thịt heo	Sữa bột Metacarre Eco	Bún riêu cua	Gà hầm kỹ từ Món xào: Súp lơ xanh xào thịt heo	Bún riêu cua
	TM: Thanh long (Dưa hấu)			TM: Chuối tiêu	TM: Thanh long (Dưa hấu)	Sữa bột Metacarre Eco
Sáu	Cá lăng - thịt heo kho thơm	Canh rau cải ngọt nấu thịt heo	Sữa bột Metacarre Eco	Cơm trắng; Canh giá đỗ nấu thịt; Thịt bò, thịt heo kho gừng	Cá lăng - thịt heo kho thơm Món xào: Su hào, cà rốt xào thịt heo	Mỳ spaghetti
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Dưa hấu	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Bảy	Trứng cút kho thịt heo	Canh bí xanh nấu tôm thịt	Sữa bột Metacarre Eco	Mỳ chũ thịt heo rau cải xanh	Trứng cút kho thịt heo	Mỳ chũ thịt heo rau cải xanh
	TM: Dưa hấu			Sữa bột Metacarre Eco	TM: Quýt Sài Gòn	Sữa bột Metacarre Eco



TRƯỜNG MẦM NON B XÃ NGŨ HIỆP

THỰC ĐƠN MÙA ĐÔNG (TUẦN LẺ) NĂM HỌC 2024 - 2025
(Mức ăn 35.000đ/1 trẻ/1 ngày)

Thứ	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
	Bữa chính sáng (10h15' - 11h15')		Bữa phụ (13h45)	Bữa chính chiều (10h30' - 11h40')		Bữa phụ chiều (14h00)
	18-24 Ăn cơm nát/ 24-36 Ăn cơm thường	Ăn cơm		Ăn cơm	Ăn cơm	
	Món mặn	Món canh		Món mặn	Món canh	
Hai	Thịt ếch xào lăn	Canh cải thảo nấu tôm	Sữa bột Metacarre Eco	Cơm trắng; Canh bí xanh tôm thịt heo; Thịt gà, thịt heo rang gừng	Thịt ếch xào lăn Món xào: Su hào, cà rốt xào bò	Mỳ chũ nấu thịt heo rau cải
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Dưa hấu	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Ba	Thịt heo, thịt gà om nấm hương Món xào: Su su xào thịt	Canh bắp cải nấu thịt heo	Sữa bột Metacarre Eco	Cháo cá hồi bí đỏ	Thịt heo, thịt gà om nấm hương Món xào: Su su xào thịt	Cháo cá hồi bí đỏ
	TM: Thanh Long			TM: Xoài	TM: Thanh Long	Sữa bột Metacarre Eco
Tư	Cá tằm thịt heo kho tộ	Canh su hào, cà rốt nấu thịt bò	Sữa bột Metacarre Eco	Cơm trắng; Canh chua thả giá đỗ; Tôm, thịt heo rơm chua ngọt	Cá tằm thịt heo kho tộ Món xào: Súp lơ trắng cà rốt xào thịt heo	Bún bung
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Nước cam	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Năm	Tôm, thịt heo sốt phô mai Món xào: Cải ngọt xào	Canh khoai tây, cà rốt nấu thịt heo	Sữa bột Metacarre Eco	Cháo bò- Yến mạch	Tôm, thịt heo sốt phô mai Món xào: Cải ngọt xào thịt heo	Cháo bò- Yến mạch
	TM: Dưa hấu			TM: Quýt sài gòn	TM: Dưa hấu	Sữa bột Metacarre Eco
Sáu	Thịt bò nấu Culi Món xào: Cải thảo xào thịt heo	Canh cải xanh nấu cua đồng	Sữa bột Metacarre Eco	Phở bò - heo thả giá đỗ	Thịt bò nấu Culi Món xào: Cải thảo xào thịt heo	Phở gà heo thả giá đỗ
	TM: Sữa chua Vinamilk			TM: Thanh long	TM: Sữa chua Vinamilk	Sữa bột Metacarre Eco
Bảy	Thịt heo kho cốt dừa	Canh cá quả nấu chua	Sữa bột Metacarre Eco	Mỳ chũ thịt heo hầm	Thịt heo kho cốt dừa	Mỳ chũ thịt heo hầm
	TM: Chuối tiêu			Sữa bột Metacarre Eco	TM: Chuối tiêu	Sữa bột Metacarre Eco



2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng học sinh, chăm sóc, giáo dục trẻ em

ST T	Nội dung	Năm học 2023-2024					Năm học 2024-2025				
		Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo			Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			18-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		18-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em (bình quân/nhóm lớp)	396/ 14 lớp (28,3 trẻ/lớ p)	81/3 lớp (27 trẻ/lớ p)	87/3 lớp (29 trẻ/lớ p)	116/4 lớp (29 trẻ/lớ p)	112/4 lớp (28 trẻ/lớ p)	345/ 14 lớp (24,6 trẻ/lớ p)	56/3 lớp (18,6 trẻ/lớ p)	73/3 lớp (24,3 trẻ/lớ p)	98/4 lớp (24,5 trẻ/lớ p)	118/4 lớp (29,5 trẻ/lớ p)
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 2 buổi/ngày	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118
3	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú tại cơ sở	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồng trưởng	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118
1	Số trẻ cân nặng bình thường	392	81	85	114	112	341	55	73	97	117
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	393	80	86	115	112	342	56	73	98	117
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3	1	1	1	0	3	0	1	1	1
5	Số trẻ em thừa cân béo phì	4	0	2	2	0	4	1	0	2	1
VI	Số trẻ em học các chương	396	81	87	116	112	345	56	73	98	118

	trình chăm sóc giáo dục										
1	Đối với nhà trẻ	81	81	0	0	0	56	56	0	0	0
-	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng	81	81	0	0	0	56	56	0	0	0
2	Đối với mẫu giáo	315	0	87	116	112	289	0	73	98	118
-	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo	315	0	87	116	112	289	0	73	98	118

- 100% trẻ 5 tuổi được phổ cập giáo dục mầm non đúng tiến độ

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Công khai tài chính dự toán năm 2023, năm 2024

a. Nguồn Ngân sách nhà nước

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán Năm 2024	Dự toán Năm 2023
	Dự toán năm trước chuyển sang	0	0
	PHẦN THU	7.126.114.000	5.896.079.000
1	Dự toán NSNN giao	7.126.114.000	5.896.079.000
-	Chi thường xuyên	5.110.096.000	5.249.000.000
-	Không thường xuyên	2.016.018.000	647.079.000
	PHẦN CHI		
I	Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp	7.102.938.420	5.704.312.000
1	Kinh phí chi thường xuyên	5.103.096.000	5.058.000.000
	Chi thanh toán cho cá nhân	4.597.910.283	4.137.789.205
	Tiền lương	1.898.943.009	1.864.412.100
	Tiền công	680.231.700	304.218.600
	Phụ cấp lương	928.900.787	944.830.300
	Tiền thưởng	2.790.000	10.650.000
	Phúc lợi tập thể	363.826.000	313.100.000
	Các khoản đóng góp	663.025.030	601.487.500
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	60.193.757	99.090.705
	Chi về hàng hóa dịch vụ	505.185.717	920.210.795
	Thanh toán dịch vụ công cộng	136.128.632	170.288.597
	Vật tư văn phòng	64.580.500	89.313.500
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	24.431.645	22.952.388
	Công tác phí	0	7.200.000
	Chi phí thuê mướn	72.790.000	93.750.000
	Sửa chữa và mua sắm TS phục vụ công tác CM	63.523.500	180.318.000
	Mua sắm TS phục vụ chuyên môn	33.550.000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	32.850.000	182.016.610

	Các khoản chi khác	77.331.440	174.371.700
	Chi các khoản phí và lệ phí	0	4.876.700
	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	781.440	860.000
	Chi khác	76.550.000	168.635.000
2	Kinh phí chi không thường xuyên	1.999.842.420	646.312.000
	Chi thanh toán cho cá nhân	1.672.337.420	493.882.000
	Tiền lương	790.514.131	75.016.600
	Tiền công	98.983.900	270.662.200
	Phụ cấp lương	384.081.353	65.736.200
	Tiền thưởng	160.554.420	0
	Các khoản đóng góp	238.203.616	82.467.000
	Chi về hàng hóa dịch vụ	327.505.000	152.430.000
	Vật tư văn phòng	17.365.357	60.000.000
	Sửa chữa và mua sắm TS phục vụ công tác CM	163.399.143	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	112.115.500	0
	Chi khác	34.625.000	92.430.000

b. Nguồn Thu sự nghiệp:

STT	Nội dung	Dự toán Năm 2024	Dự toán Năm 2023
	Năm trước chuyển sang	28.387.166	100.761.097
	PHẦN THU	1.217.100.000	1.233.795.000
1	Học phí	258.970.000	309.150.000
2	Nguồn hoạt động khác được để lại (Chăm sóc bán trú, TTTB PVBT, Học phẩm, ...)	1.055.644.500	924.645.000
	PHẦN CHI	1.334.888.872	1.306.168.931
I	Nguồn thu sự nghiệp	1.334.888.872	1.306.168.931
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	484.476	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	484.476	0
	Chi thanh toán cho cá nhân	1.082.337.345	978.187.900
	Tiền lương	84.785.600	162.103.800
	Tiền công	958.500.744	778.570.900
	Phụ cấp lương	28.780.000	31.883.200
	Phúc lợi tập thể	1.638.000	5.630.000
	Các khoản đóng góp	8.633.000	0
	Chi về hàng hóa dịch vụ	252.551.527	260.569.885
	Thanh toán dịch vụ công cộng	81.145.897	52.721.720
	Vật tư văn phòng	13.190.000	12.149.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.772.000	26.475.000
	Hội nghị	20.000.000	0

	Chi phí thuê mướn		0	18.000.000
	Sửa chữa và mua sắm TS phục vụ công tác CM		28.814.635	30.906.000
	Mua sắm tài sản vô hình		0	3.000.000
	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn		4.446.250	4.446.250
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		94.037.270	211.189.061
	Các khoản chi khác		7.661.000	67.411.146
	Chi các khoản phí và lệ phí		1.650.000	0
	Chi khác		6.011.000	67.411.146
	Tồn chuyển sang năm sau		7.864.043	28.387.166

c. Nguồn Thu hộ- chi hộ năm học 2023-2024:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
	Năm trước chuyển sang	0	0
	PHẦN THU	2.042.371.750	1.887.851.760
1	Tiền ăn	1.993.011.750	1.845.173.760
2	Nước uống	49.360.000	42.678.000
	PHẦN CHI	2.042.371.750	1.887.851.760
1	Tiền ăn	1.993.011.750	1.845.173.760
2	Nước uống	49.360.000	42.678.000
	Tồn chuyển sang năm sau	0	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về miễn giảm học phí đối với học sinh năm học 2023-2024:

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
I	Đối tượng miễn học phí theo NĐ 81	100%		
	Học kỳ I năm học 2023-2024	2		4 tháng
	Học kỳ II năm học 2023-2024	2		5 tháng
II	Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn trưa theo TT06			
	Học kỳ I năm học 2023-2024	2	0	4 tháng
	Học kỳ II năm học 2023-2024	2	0	5 tháng

ĐVT: Đồng

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến năm học 2024-2025

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí			

	Mẫu giáo lớn	Đồng/ học sinh/ tháng	75.000	
	MGN, MGB, NT	Đồng/ học sinh/ tháng	95.000	
2	Chăm sóc bán trú	Đồng/ học sinh/ tháng	150.000	
3	TTB PVBT	Đồng/ học sinh/ năm	150.000	
4	Học phẩm	Đồng/ học sinh/ năm	150.000	
5	DV CSND ngoài giờ (Không bao gồm thứ 7, CN)	Đồng/ học sinh/ tháng	600.000	
7	Tiền ăn học sinh	Đồng/ học sinh/ ngày	30.000	
8	Nước uống học sinh	Đồng/ học sinh/ tháng	12.000	
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí (theo NQ02)			
-	Mẫu giáo lớn	Đồng/ học sinh/ tháng	Miễn 100%	
-	MGN, MGB, NT	Đồng/ học sinh/ tháng	95.000	
2	Dịch vụ Chăm sóc bán trú (theo NQ 03)	Đồng/ học sinh/ tháng	235.000	
3	Dịch vụ TTB PVBT (theo NQ 03)	Đồng/ học sinh/ năm	200.000	
4	Dịch vụ Tiền ăn HS (theo NQ 03)	Đồng/ học sinh/ ngày	35.000	
5	Dịch vụ nước uống HS (theo NQ 03)	Đồng/ học sinh/ tháng	16.000	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tham gia ngày hội CNTT và STEAM cấp huyện đạt kết quả tốt. Năm học 2023-2024 nhà trường có 6 bài giảng elearning, bài giảng STEAM gửi dự thi cấp huyện đạt giải: 03 Giải Nhì; 03 Giải khuyến khích; 01 giải Khuyến khích thi kỹ năng CNTT;

- Mời giảng viên về bồi dưỡng 01 chuyên đề: Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên.

- Tổ chức kiến tập: 07 chuyên đề và 04 tiết xuất sắc trong Hội giảng

- CB, GV, NV của nhà trường tham gia Hội thao ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Nhà trường có 01 đ/c GV đạt giải Ba giải thưởng “*Nhà giáo Thanh Trì tâm huyết sáng tạo*” lần thứ 7 cấp huyện.

- Tham gia Hội khoẻ măng non cấp huyện đạt giải **Ba** đồng diễn Aerobic.
- Đã tổ chức cho trẻ tham quan trải nghiệm tại Bảo tàng phòng không không quan - Nhà hát múa rối Thăng Long và khu vui chơi hướng nghiệp Vinke – Time City đạt kết quả tốt.
- Tham gia cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- Tham gia cuộc thi **“Sáng tác ca khúc dành cho học sinh”** dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập ngành GD&ĐT thủ đô (1954-2024) gửi về PGD.
- Trong năm học 2023-2024 nhà trường đã tham mưu quản lý tốt 01 cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn được phân công: MN Hoa Trạng Nguyên.
- Nhà trường đã phối hợp với TTYT huyện, các bác sĩ bệnh viện đa khoa Xanh Pôn và cán bộ UBND huyện tổ chức khám sàng lọc bộ phận sinh dục nam cho trẻ theo Đề án nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn huyện vào ngày 20/12/2024.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hải Yến

